TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng và ông Ngô Hồng Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị T - sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; số CCCD: 049186013159, cấp ngày: 04/7/2022 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B - sinh năm: 1989; địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; số định danh cá nhân: 048089004702 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2024, bản tự khai ghi ngày 21/10/2024 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng vào ngày 12/10/2011 (số đăng ký: 87, quyển số: 01/2011). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại thôn G, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống, giữa hai bên đã tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B không chăm lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu bia và sử dụng vũ lực, đe doạ đối với bà T dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, bà T về nhà bố mẹ tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam sống từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nay bà T xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt

được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông B.

Về con chung, bà T xác định có 01 con chung tên Nguyễn Lê Như Q – sinh ngày: 26/5/2012 và hiện đang sống cùng bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B không trình bày ý kiến, không đến Toà án để tham gia tố tụng dù đã được Toà án cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án*: Căn cứ các Điều 51, 56, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn B, giao con chung Nguyễn Lê Như Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn B đã tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 87, quyển số: 01/2011 vào ngày 12/10/2011. Bị đơn ông Nguyễn Văn B hiện cư trú tại huyện H, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông B về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung giải quyết*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn B là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa hai bên đương sự đã tồn tại mâu thuẫn trầm trọng nên đời sống chung không còn hạnh phúc, bà T muốn chấm dứt cuộc sống chung vợ chồng. Theo bà T khai, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương, sống mỗi người một nơi đã 03 năm nay là do ông B không chăm lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu bia và sử dụng vũ lực, đe doạ đối với bà T.

[4] Qua xác minh tại địa phương nơi bị đơn cư trú vào ngày 28/02/2025 thể hiện vợ chồng bà T và ông B có đăng ký kết hôn và có 01 con chung, mâu thuẫn trong gia đình thì địa phương không hay biết. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà T kiên quyết xin được ly hôn, còn ông B không đến Tòa án, điều này thể hiện bị đơn không còn mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Như vậy, lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, sự mâu thuẫn giữa hai bên là đúng sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đời sống hôn nhân của các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T ly hôn ông B, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[5] *Về nuôi dưỡng con chung*: Bà T và ông B có 01 con chung tên Nguyễn Lê Như Q – sinh ngày: 26/5/2012. Hiện nay con chung đang ở cùng với bà T. Bà T mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Xét yêu cầu của bà T phù hợp với nguyện vọng của cháu Q, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của bà T, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[6] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Tại phiên toà, bà T không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản đối với bên thứ ba*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác nhận không có tài sản chung và nghĩa vụ tài sản gì đối với bên thứ ba trong thời kỳ hôn nhân, nên không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp nếu có tranh chấp thì các bên được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để yêu cầu giải quyết.

[8] *Về án phí:* Bà T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Nguyễn Văn B về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị T ly hôn ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Như Q – sinh ngày: 26/5/2012 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nguyễn Văn B không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0002453 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng; như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/4/2025). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hoà Vang;
- CCTHADS huyện Hoà Vang;
- UBND phường K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn